TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOÀI ĐỨC - TP HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **23**/2022/QĐST-DS

Hoài Đức, ngày 04 tháng 04 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 147, Điều 212, Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và điểm e điều 1.3 Phần 1, Mục II Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 25 tháng 3 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 132/2021/TLST- DS ngày 24 tháng 11 năm 2021 vụ án: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

I. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Chu Ngọc A**, sinh năm 1938; HKTT: Số 17B Đê La Thành, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, Hà Nội; Trú tại: Số 3 Ngõ 98 Đào Tấn, phường Cống Vị, quận Ba Đình, Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Văn L (sinh năm: 1957; Trú tại: Nhà G4 Ngõ 112 Tổ dân phố 16 Tập thể Sông Đà 10, phường Kiến Hưng, quận Hà Đông, Hà Nội); bà Dương Hải Y (sinh năm 1983; Trú tại: Số 18/198 Lê Trọng Tấn, phường Khương Mai, quận Thanh Xuân, Hà Nội); bà Chu Thị Lan A (sinh năm: 1971; Trú tại: P301 B2 Nam Thành Công, phường Thành Công, quận Ba Đình, Hà Nội); chị Đặng Thị Kh (sinh năm 1990; Trú tại: TDP 16 phường Kiến

Hưng, quận Hà Đông, Hà Nội) (Giấy ủy quyền ngày 02/12/2021 tại Văn phòng công chứng Nguyễn HV).

Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Th**, sinh năm 1968;

Ông **Phạm Văn K,** sinh năm: 1960;

Cùng trú tại: Số 07-NV8 KĐT mới Bắc Quốc lộ 32, Thị trấn Trạm Trôi, huyện Hoài Đức, Hà Nội.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà **Trần Thị Th**, sinh năm: 1938; HKTT: Số 17B Đê La Thành, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, Hà Nội; Trú tại: Số 3 Ngõ 98 Đào Tấn, phường Cống Vị, quận Ba Đình, Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Văn L (sinh năm: 1957; Trú tại: Tổ dân phố 16, phường Kiến Hưng, quận Hà Đông, Hà Nội); bà Dương Hải Y (sinh năm 1983; Trú tại: Số 18/198 Lê Trọng Tấn, phường Khương Mai, quận Thanh Xuân, Hà Nội); bà Chu Thị Lan A (sinh năm: 1971; Trú tại: P301 B2 Nam Thành Công, phường Thành Công, quận Ba Đình, Hà Nội); chị Đặng Thị Kh (sinh năm 1990; Trú tại: TDP 16 phường Kiến Hưng, quận Hà Đông, Hà Nội) (Giấy ủy quyền ngày 02/12/2021 tại Văn phòng công chứng Nguyễn HV).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Chu Ngọc A và bà Trần Thị Th: Bà Nguyễn Thị Kim Th, ông Tống Chí C, bà Nguyễn Thị Thùy D – Luật sư Văn phòng Luật sư Nguyễn Th – Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội.

II. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bà Nguyễn Thị Th, ông Phạm Văn K xác nhận còn nợ và có trách nhiệm thanh toán cho ông Chu Ngọc A, bà Trần Thị Th số tiền nợ gốc là 8.000.000.000 (Tám tỷ) đồng theo Hợp đồng vay tiền được công chứng tại Văn phòng công chứng LV ngày 17/10/2018 và số tiền thực tế đã vay theo Giấy ủy nhiệm chi ngày 02/6/2021 của Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV) – Chi nhánh Hoài Đức là 6.019.155.589 (*Sáu tỷ, không trăm mười chín triệu, một trăm năm mươi lăm nghìn, năm trăm tám mươi chín*) đồng. Tổng cộng số tiền nợ gốc bà Th, ông K phải thanh toán cho ông Ngọc A và bà Th là 14.019.155.589 (*Mười bốn tỷ, không trăm mười chín triệu, một trăm năm mươi lăm nghìn, năm trăm tám mươi chín)* đồng.

Ông Ngọc A và bà Th tự nguyện không yêu cầu bà Th, ông K phải trả số tiền nợ lãi của số tiền nợ gốc trên, tạm tính đến ngày 30/9/2021 là 2.492.684.565 (*Hai tỷ, bốn trăm chín mươi hai triệu, sáu trăm tám mươi bốn nghìn, năm trăm sáu mươi năm*) đồng.

Ông Ngọc A và bà Th tự nguyện không yêu cầu bà Th, ông K phải trả lãi của các khoản vay trên kể từ ngày 01/10/2021 cho đến khi quyết định có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành phải tiếp tục chịu khoản tiền

lãi trên số nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Các đương sự thống nhất thỏa thuận: Ông Ngọc A, bà Th được giữ lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 824639 do UBND thành phố Hà Nội cấp ngày 04/02/2016 đứng tên ông Chu Ngọc A, bà Trần Thị Th và chứng nhận chuyển nhượng cho ông Phạm Văn K, bà Nguyễn Thị Th ngày 28/8/2017 tại địa chỉ số 07 – NV8 Khu đô thị mới Bắc Quốc lộ 32, thị trấn TT, huyện HĐ, Hà Nội để bảo đảm thi hành án.

Trường hợp bà Th, ông K thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi nêu trên thì ông Ngọc A, bà Th có trách nhiệm trả lại cho bà Th, ông K bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 824639 do UBND thành phố Hà Nội cấp ngày 04/02/2016 đứng tên ông Chu Ngọc A, bà Trần Thị Th và chứng nhận chuyển nhượng cho ông Phạm Văn K, bà Nguyễn Thị Thg ngày 28/8/2017 tại địa chỉ số 07 – NV8 Khu đô thị mới Bắc Quốc lộ 32, thị trấn TT, huyện HĐ, Hà Nội.

Ngoài ra, các bên không yêu cầu giải quyết vấn đề nào khác.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

III. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Th phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 30.522.788 *(Ba mươi triệu, năm trăm hai mươi hai nghìn, bảy trăm tám mươi tám)* đồng.

Ông Phạm Văn K được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

IV. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Hoài Đức;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ; Văn phòng.*

THẨM PHÁN

Phạm Thị Lan Anh